BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 179/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cảng biển mà chưa có người đến nhận quy định tại Điều 45 Luật Hải quan và hàng hóa không có người nhận khác

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi thống nhất với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cảng biển mà chưa có người đến nhận quy định tại Điều 45 Luật hải quan và hàng hóa không có người nhận khác như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự xử lý đối với hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan và hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai không có người nhận (sau đây gọi tắt là hàng tồn đọng) lưu giữ tại cảng biển.

2. Hàng tồn đọng tại cảng sông quốc tế, cảng nội địa (ICD), địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS) cũng xử lý tương tự theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp sau:

a) Hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam (thực hiện theo Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ);

b) Thư, bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận (thực hiện theo Thông tư liên tịch số 03/2004/TTLT-BBCVT-BTC ngày 29/11/2004 của liên Bộ Bưu chính Viễn thông - Bộ Tài chính);

c) Hàng hóa, hành lý, tài sản tồn đọng không có người nhận tại các cảng hàng không Việt Nam (thực hiện theo Thông tư số 33/2004/TT-BTC ngày 15/4/2004 của Bộ Tài chính);

d) Hàng tồn đọng trong kho ngoại quan (thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 195/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính);

đ) Hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận, hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai không có người nhận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

1. Hàng hóa bị từ bỏ:

a) Hàng hóa mà chủ hàng có văn bản thông báo việc từ bỏ; hoặc không đến nhận hoặc không hồi đáp sau khi đã được cơ quan hải quan thông báo;

b) Hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại Việt Nam bỏ lại cảng biển và người vận chuyển có văn bản từ bỏ quyền lưu giữ.

2. Hàng hóa bị thất lạc:

a) Hàng hóa có địa chỉ nhận tại Việt Nam, bị thất lạc qua nước khác sau đó đưa về Việt Nam, không có người đến nhận;

b) Hàng hóa gửi đến nước khác, bị thất lạc đến Việt Nam, không có người đến nhận;

3. Hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ người nhận tại Việt Nam, không có người đến nhận.

4. Hàng hóa quá thời hạn khai hải quan được cơ quan hải quan thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có người đến nhận.

5. Hàng hóa khác lưu giữ tại cửa khẩu không có người nhận:

a) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;

b) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai.

Chương II
THEO DÕI, THÔNG BÁO HÀNG TỒN ĐỌNG

Điều 4. Theo dõi, phân loại hàng tồn đọng

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi:

a) Theo dõi, thống kê, phân loại hàng tồn đọng theo Biểu mẫu 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này;

b) Thông báo cho người nhận hàng hoặc Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Thông báo tình hình hàng tồn đọng cho Chi cục hải quan quản lý (sau đây gọi tắt là Chi cục hải quan) định kỳ vào ngày 05 của tháng kế tiếp. Riêng đối với hàng hóa thuộc loại dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng sắp hết thời hạn sử dụng thì việc thông báo được thực hiện trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày người nhận hàng có văn bản thông báo việc từ bỏ hoặc kể từ ngày thứ 91 đối với hàng hóa lưu giữ tại khu vực cửa khẩu quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu dỡ hàng;

d) Bố trí địa điểm kho, bãi đảm bảo đáp ứng các điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ, bảo quản hàng tồn đọng trong thời gian chờ xử lý;

đ) Tham gia Hội đồng xử lý hàng hóa bị từ bỏ

2. Trách nhiệm của Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi tắt là người vận chuyển):

Người vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập về danh sách vận đơn quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu nhập, chưa có người nhận theo Biểu mẫu 01/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này, kèm các chứng từ thông báo hàng đến cửa khẩu.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan:

a) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi và người vận chuyển để tổng hợp, theo dõi, thống kê, phân loại và tổ chức giám sát lượng hàng tồn đọng (theo Biểu mẫu số 02/2011/TH-HQ ban hành kèm Thông tư này);

b) Làm thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục thông báo

1. Đối với các lô hàng tồn đọng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này:

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi về lô hàng tồn đọng tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này, Chi cục hải quan quản lý đăng tải thông tin 03 lần liên tiếp về lô hàng trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục hải quan; Thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 180 ngày kể từ ngày thông báo.

Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại thì thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 30 ngày và thông báo 02 lần liên tiếp.

2. Đối với hàng hóa không có người nhận khác quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư này:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu dỡ hàng, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo cho người nhận hàng/người vận chuyển đến nhận theo Biểu mẫu số 03/2011/TB-KB ban hành kèm Thông tư này; số lần thông báo là 02 lần trong thời hạn 30 ngày.

3. Quá thời hạn thông báo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, nếu không có người đến nhận hàng thì Chi cục hải quan lập hồ sơ đề nghị xử lý theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này.

4. Trong thời hạn thông báo, nếu chủ hàng hóa đến nhận thì được làm thủ tục nhập khẩu và phải nộp tiền phạt do việc làm thủ tục hải quan không đúng thời hạn quy định theo quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và các chi phí phát sinh do việc chậm nhận hàng. Trường hợp việc đăng ký tờ khai được thực hiện tại Chi cục hải quan khác, thì Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai phải có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan quản lý hàng tồn biết để theo dõi và làm các thủ tục tiếp theo.

5. Các trường hợp không phải thông báo:

a) Hàng hóa nêu tại khoản 1 Điều 3 và điểm b khoản 5 Điều 3 Thông tư này;

b) Cơ quan hải quan xác định được hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, nhưng không phải là buôn lậu, gian lận thương mại;

c) Trường hợp yêu cầu phải xử lý khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn hoặc giảm bớt thiệt hại có thể xảy ra đối với hàng hóa, người và tài sản trong khu vực cảng biển thì Chi cục hải quan phối hợp doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi và người vận chuyển báo cáo Cục trưởng Cục hải quan tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư này, không phải thông báo.

Chương III
TỊCH THU VÀ LẬP HỒ SƠ XỬ LÝ HÀNG TỒN ĐỌNG

Điều 6. Tịch thu và lập hồ sơ xử lý hàng tồn đọng

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thông báo (180 ngày hoặc 30 ngày) tại Điều 5 Thông tư này, Chi cục hải quan nơi có hàng tồn đọng lập hồ sơ, báo cáo Cục trưởng Cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Cục hải quan) ra quyết định tịch thu.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị xử lý hàng tồn đọng;

b) Bảng kê chi tiết về hàng hóa (tên hàng, số lượng cont, trọng lượng, tên/địa chỉ người gửi, người nhận, tên phương tiện/ngày nhập cảnh, số/ngày vận đơn, nước xuất khẩu): 01 bản chính;

c) Công văn đề nghị đăng tải gửi Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Diễn đàn doanh nghiệp về lô hàng hoặc thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi cho người nhận hàng/người vận chuyển: 01 bản sao của từng lần thông báo;

d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh việc từ bỏ hàng hóa của chủ hàng hoặc người vận chuyển (nếu có): 01 bản chính.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đề nghị xử lý của Chi cục hải quan, Cục trưởng Cục hải quan căn cứ quy định tại Điều 35 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này, ra Quyết định tịch thu số hàng tồn đọng (theo mẫu QĐ-34 - Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính ban hành kèm Nghị định số 97/2007/NĐ-CP) và gửi cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện, đồng thời có văn bản đề nghị Sở Tài chính thành lập Hội đồng xử lý hàng tồn đọng, gửi kèm Bảng kê chi tiết hàng tồn đọng.

Chương IV
XỬ LÝ HÀNG TỒN ĐỌNG

Mục 1
TRÌNH TỰ XỬ LÝ HÀNG TỒN ĐỌNG

Điều 7. Hội đồng xử lý

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị xử lý hàng tồn của Cục hải quan, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh, thành phố ra quyết định thành lập Hội đồng xử lý hàng tồn đọng.

Thành phần Hội đồng xử lý gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Tài chính;

b) Phó chủ tịch Hội đồng: Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi;

c) Các thành viên:

c.1) Đại diện Cục Hải quan (Phòng Tham mưu chống buôn lậu và xử lý và Chi cục hải quan);

c.2) Đại diện hàng tàu/đại lý hãng tàu (nếu cần thiết);

c.3) Đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành, như: Sở Tài nguyên môi trường, Chi cục kiểm dịch,.... (trường hợp việc xử lý hàng tồn đọng có liên quan đến môi trường, kiểm dịch,...)

2. Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Hội đồng có thể giao doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi (Phó chủ tịch Hội đồng) tiến hành xử lý hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại mục 1 Chương này, kết thúc xử lý phải có báo cáo cụ thể kết quả với Hội đồng.

3. Hội đồng xử lý được sử dụng con dấu của Sở Tài chính để thực hiện nhiệm vụ và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Căn cứ vào tình hình thực tế hàng hóa tồn đọng tại khu vực cửa khẩu do đơn vị quản lý, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh, thành phố có thể thành lập Hội đồng thường trực để xử lý hàng hóa tồn đọng theo từng giai đoạn trong năm.

5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu thấy cần thiết, Hội đồng xử lý có thể thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng (như: kiểm kê, phân loại hàng tồn, thư ký Hội đồng,...) hoặc thuê tổ chức giám định được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để giám định chất lượng, làm cơ sở xây dựng phương án xử lý tài sản và xác định giá trị tài sản.

Điều 8. Kiểm kê, phân loại và ra quyết định xử lý hàng tồn đọng

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thành lập (hoặc 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị xử lý hàng tồn của Cục hải quan đối với tỉnh, thành phố có Hội đồng thường trực), Hội đồng xử lý tiến hành:

1. Mở niêm phong hàng hóa hoặc niêm phong container (nếu có);

2. Kiểm tra, phân loại hàng tồn đọng;

3. Xác định giá trị hàng hóa tồn đọng;

4. Lập Biên bản chứng nhận;

5. Ra quyết định tiêu hủy hoặc bán thanh lý (chia thành từng lô hoặc cả lô hàng);

6. Bàn giao hàng tồn đọng cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi quản lý, chờ xử lý.

Điều 9. Hình thức xử lý

1. Xử lý tiêu hủy đối với hàng hóa không còn giá trị sử dụng (mục nát, đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất, quá hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng sử dụng) hoặc thuộc diện cấm lưu hành theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức bán thanh lý đối với hàng hóa còn giá trị sử dụng.

a) Việc bán hàng tồn đọng được thực hiện thông qua hình thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, hoặc bán trực tiếp (không thông qua đấu giá) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Các trường hợp được phép bán trực tiếp, không thông qua đấu giá:

b.1) Hàng tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản;

b.2) Hàng thực phẩm đã qua chế biến, thuốc chữa bệnh mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày;

b.3) Các loại hàng hóa khác nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng.

b.4) Hàng hóa theo kết quả định giá có giá trị dưới 100 triệu đồng/lô hàng.

c) Trường hợp hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều này thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện hoặc thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thì Hội đồng xử lý đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành có văn bản cho phép nhập khẩu trước khi thực hiện bán hàng.

Điều 10. Thực hiện quyết định xử lý

1. Đối với hàng hóa phải tiêu hủy:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chủ trì thực hiện việc tiêu hủy hoặc thuê các tổ chức, đơn vị được cấp giấy phép hành nghề tiêu hủy để thực hiện việc tiêu hủy trong thời hạn do Hội đồng quy định. Việc tiêu hủy phải được lập thành Biên bản tiêu hủy và có sự giám sát trực tiếp của Hội đồng xử lý.

Nội dung chủ yếu của Biên bản tiêu hủy gồm: căn cứ và lý do thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hóa tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan.

b) Đối với loại hàng hóa mà việc tiêu hủy làm ảnh hưởng đến môi trường thì phải được sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường sở tại trước khi tổ chức tiêu hủy.

2. Đối với hàng bán thanh lý:

a) Đối với hàng hóa bán trực tiếp (không qua đấu giá):

Trên cơ sở giá trị hàng hóa được xác định, Hội đồng xử lý giao doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua theo hình thức bán công khai hoặc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán hàng hóa tồn đọng.

Việc bán hàng hóa phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ thực hiện bán; thời gian, địa điểm bán; người bán; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hóa tại thời điểm bán; đơn giá bán, giá trị thanh toán; người mua và các nội dung khác có liên quan.

b) Đối với hàng hóa bán đấu giá:

b.1) Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là giá do Hội đồng xử lý xác định trên cơ sở trị giá hàng tồn đọng (đã có thuế) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36a Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ.

b.2) Hội đồng xử lý giao doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi trực tiếp tổ chức bán đấu giá hoặc thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc doanh nghiệp bán đấu giá tài sản) thực hiện việc bán đấu giá đối với số hàng hóa tồn đọng.

b.3. Trình tự, thủ tục bán đấu giá hàng hóa tồn đọng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

c) Kết thúc việc bán hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi báo cáo kết quả và đề nghị Hội đồng xử lý ra Quyết định bán hàng.

d) Người mua được hàng hóa quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí nhập khẩu.

3. Khi bán hàng hóa tồn đọng quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng xử lý có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm:

a) Hóa đơn bán tài sản tịch thu, xung công quỹ nhà nước theo mẫu số 01/TSSQ-3L.04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2004/QĐ-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2004 của Bộ Tài chính: 01 bản chính;

b) Quyết định bán hàng tồn đọng: 01 bản chính;

c) Phiếu xuất kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi: 01 bản chính;

d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền đối với mặt hàng nhập khẩu có điều kiện (nếu có): 01 Bản sao;

Các bản sao phải được Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận và đóng dấu.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ chứng từ mua hàng, nếu người mua không đến nhận hàng hoặc không đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cửa khẩu, mà không có lý do chính đáng, thì Hội đồng tổ chức xử lý lại lô hàng tồn đọng theo hướng dẫn tại Chương IV Thông tư này.

Mục 2
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH SAU KHI XỬ LÝ

Điều 11. Quản lý tài chính sau khi xử lý

Toàn bộ tiền thu được từ việc bán hàng tồn đọng được người mua thanh toán và doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 12 và 13 Thông tư này.

Điều 12. Nội dung chi liên quan

1. Chi thuê các dịch vụ liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng bao gồm:

a) Kiểm kê, phân loại hàng hóa;

b) Giám định chất lượng, trị giá hàng hóa;

c) Đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) In ấn tài liệu hồ sơ bán đấu giá, phí bán đấu giá (trong trường hợp thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện).

2. Chi phí cho các dịch vụ kho bãi, gồm:

a) Phí lưu kho, bãi (lưu hàng hóa và lưu container - nếu có) tính từ ngày Cục trưởng Cục hải quan ra Quyết định tịch thu;

b) Chi phí nâng hạ, bốc xếp trong quá trình bán hàng;

c) Chi phí giao nhận và bảo quản hàng hóa trong quá trình bán hàng.

Chi phí cho các dịch vụ kho bãi chỉ được áp dụng đối với hàng hóa còn giá trị sử dụng và được Hội đồng xử lý bán thanh lý.

3. Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Hội đồng trong quá trình bán hàng tồn đọng (kiểm kê, phân loại, giám định, định giá, lập phương án, tổ chức bán hàng) thực hiện theo chế độ công tác phí do Bộ Tài chính quy định. Ngày thanh toán là số ngày thực tế các thành viên thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng.

4. Chi phí tổ chức tiêu hủy.

Điều 13. Quyết toán tài chính

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc xử lý (ngày hoàn thành việc tiêu hủy hoặc ngày ra quyết định bán hàng), doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi tổng hợp các khoản chi, kèm hồ sơ, chứng từ có liên quan, báo cáo Hội đồng xử lý phê duyệt. Việc chi trả được thực hiện đúng theo thứ tự ưu tiên tuần tự từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 12 Thông tư này. Nếu lô hàng có một phần hàng bán thanh lý, một phần phải xử lý tiêu hủy thì chi phi tổ chức tiêu hủy được ưu tiên thanh toán trước.

Trường hợp chưa có nguồn kinh phí để thực hiện chi trả, thì doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi ứng trước kinh phí để thực hiện chi trả.

2. Số tiền thu được từ việc bán hàng hóa tồn đọng, sau khi đã trừ đi các chi phí quy định tại Điều 12, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc việc chi trả. Nếu doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi có hành vi chậm nộp khoản tiền này so với thời hạn quy định thì sẽ bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền chậm nộp. Việc xử phạt do Chủ tịch Hội đồng xử lý ra quyết định.

3. Trong trường hợp tiền thu được từ việc xử lý hàng không đủ bù chi thì doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi được bù trừ khi xử lý lô hàng kế tiếp, nếu tiếp tục không đủ bù chi thì được chuyển sang năm sau.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Báo cáo hàng tồn đọng

Căn cứ thông báo hàng tồn đọng quá 90 ngày của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi kết quả công tác giám sát hải quan, định kỳ vào ngày 15 tháng đầu của

Quý, Cục Hải quan tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp, rà soát, thống kê số lượng các lô hàng tồn đọng và kết quả xử lý hàng tồn đọng trong Quý (theo Biểu mẫu số 04/2011/BC-HQ ban hành kèm Thông tư này) gửi về Tổng cục Hải quan (qua Cục Giám sát quản lý về hải quan).

Điều 15. Lưu trữ hồ sơ xử lý hàng tồn đọng

Hồ sơ xử lý hàng tồn đọng bao gồm: Hồ sơ đề nghị xử lý của Chi cục hải quan, Cục Hải quan tỉnh và hồ sơ xử lý của Hội đồng xử lý phải được lưu trữ theo quy định đối với hồ sơ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 05/2003/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển Việt Nam.

2. Đối với các lô hàng tồn đọng phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng chưa được xử lý, thì trình tự xử lý thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét hướng dẫn giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH KHO, BÃI/HOẶC **Biểu mẫu số 01/2011/TK-KB**
TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ HÃNG TÀU/DOANH NGHIỆP GIAO NHẬN

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG TẠI.....

(Số liệu tính từ...../...../..... đến...../...../.....)

Kính gửi: Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

TT	Tên hàng	Số lượng, trọng lượng	Số, loại cont/số seal	Người gửi, địa chỉ	Người nhận, địa chỉ	Số/ngày vận đơn	Tên PTVT/ngày nhập cảnh	Vị trí, địa điểm lưu giữ hàng	Phân loại tồn đọng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú: Ô số (9) ghi rõ: Thất lạc, nhầm lẫn, từ bỏ, quá thời hạn khai hải quan, hàng hóa không có người nhận khác.

NGƯỜI LẬP BẢNG **GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ**

CHI CỤC HẢI QUAN CK... **Biểu mẫu số 02/2011/TH-HQ**

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP, PHÂN LOẠI HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG

TT	Tên hàng	Số lượng/trọng lượng	Số, loại cont/số seal	Người nhận, địa chỉ	Số ngày lưu kho, bãi	Địa điểm lưu giữ hàng	Tình trạng hàng hóa	Phân loại tồn đọng	Công chức vào sổ (ký, ghi rõ họ tên, ngày vào sổ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

- Ô số (9) ghi rõ: Thất lạc, nhầm lẫn, từ bỏ, quá thời hạn khai hải quan, hàng hóa không có người nhận khác;
- Ô số (8) ghi một số lưu ý về hàng hóa (nếu có) như: Hàng đông lạnh, hóa chất, hàng có khả năng gây ô nhiễm môi trường,...

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

Biểu mẫu số 03/2011/TB-KB

TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH KHO, BÃI

THÔNG BÁO LẦN THỨ....

Kính gửi:
- Tên người nhận (nếu có);
- Hãng tàu/đại lý hãng tàu/Công ty giao nhận.

Thông tin về lô hàng:

+ Tên hàng:

+ Số lượng, trọng lượng:

+ Số, loại cont/số seal:

+ Số/ngày vận đơn (nếu có):

+ Tên PTVT/ngày nhập cảnh:

+ Vị trí, địa điểm lưu giữ hàng:

+ Tên, địa chỉ người gửi:

+ Tên, địa chỉ người nhận:

Đến nay, đã quá 30 ngày kể từ ngày lô hàng đến cảng....., nhưng Công ty... (doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi) vẫn chưa thấy đơn vị nào đến nhận.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo lần đầu *(ghi rõ ngày thông báo lần đầu)* nếu không có đơn vị nào đến nhận, Công ty...(doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi) sẽ bàn giao toàn bộ lô hàng cho cơ quan hải quan cửa khẩu để tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư số...../2011/TT-BTC ngày.... tháng.... năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý đối với hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cửa khẩu cảng biển mà chưa có người đến nhận theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Chi cục hải quan...;
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP KINH DOANH KHO, BÃI

CỤC HẢI QUAN... **Biểu mẫu số 04/2011/BC-HQ**

BẢNG TỔNG HỢP, THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG

(Số liệu tính từ...../..../..... đến..../.../.....)

TT	Thống kê hàng tồn					Kết quả xử lý
	Tên hàng	Số lượng, trọng lượng	Số ngày lưu kho, bãi	Địa điểm lưu giữ hàng	Phân loại tồn đọng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

Ô số (7): - Nếu tiêu hủy thì ghi rõ lý do, thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; hình thức tiêu hủy;

- Nếu chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng để xử lý thì ghi rõ lý do, số, ngày công văn chuyển, kết quả xử lý (nếu có);
- Nếu bán thì ghi rõ: hình thức bán, trị giá hàng hóa.

NGƯỜI LẬP BIỂU **LÃNH ĐẠO CỤC**

Nơi nhận:
- Cục GSQL;
- Lưu VT.